TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KR** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Số: 03/2018/QĐST-DS	*KR, ngày 22 tháng 3 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2018, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 30/2017/TLST-DS ngày 22/11/1207, chuyển sang số thụ lý mới số: 08/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 .

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P – Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn ĐR, huyện KR, tỉnh KonTum.

Bị đơn: Anh Lê Đình H - Sinh năm: 1968 và chị Y L – sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn 13 xã ĐR huyện KR tỉnh KonTum.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh A T và chị Y V.

Cùng trú tại: Thôn 13 xã ĐR, huyện KR,tỉnh KonTum.

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Bùi Thị P và anh Lê Đình H, chị Y L, anh A T, chị Y V thỏa thuận: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ký ngày 03/8/2017 giữa chị Bùi Thị P với vợ chồng anh Lê Đình H và chị Y L, đối với thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 224292, do UBND huyện KR cấp ngày 15/11/2016 mang tên A T và Y V tại thôn 13 xã ĐR, huyện KR, tỉnh KonTum. (Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất nêu trên hiện anh A T và chị Y V đang giữ).

Vợ chồng chị Y L và anh Lê Đình H cùng có nghĩa vụ chung trả lại cho chị Bùi Thị P số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn trả

tính từ ngày 20/3/2018 đến hết ngày 20/7/2018 phải trả xong số tiền này. Chị P không yêu cầu tính lãi suất.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự, hết thời hạn phải thanh toán (20/7/2018) mà chị Y L và anh Lê Đình H không trả hết số tiền nêu trên cho chị Bùi Thị P và chị Bùi Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, thì anh Lê Đình H và chị Y L phải chịu tiền lãi suất phát sinh do chậm trả, mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ.

- *Về án phí:* Áp dụng Khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Lê Đình H và chị Y L cùng có trách nhiệm chung nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm măn mươi nghìn đồng).

Chị Bùi Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là: 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2014/0000543 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KR, tỉnh KonTum.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện KR;
- Chi cục THADS huyện KR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Trường Du